

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
để thực hiện Dự án Hệ thống kênh nhánh công trình thủy lợi Ia Mơ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước về một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị quyết số 475/NQ-HĐND ngày 01/3/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng dự án Hệ thống kênh nhánh công trình thủy lợi Ia Mơ;

Theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của UBND xã Ia Mơ phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xã Ia Mơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Theo Văn bản số 168/QBVPTR-KHKT ngày 31/10/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Gia Lai về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Dự án Hệ thống kênh nhánh công trình thủy lợi Ia Mơ;

Xét đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7 tại Tờ trình số 72/TTr-BQL ngày 23/01/2026 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 221/TTr-SNNMT ngày 28/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Hệ thống kênh nhánh công trình thủy lợi Ia Mơr, tỉnh Gia Lai do Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7 làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

- Diện tích: **3,16 ha**. Trong đó:
 - + Ban Quản lý rừng phòng hộ Ia Meur: **0,07 ha**.
 - + UBND xã Ia Mơ: **3,09 ha**.
- Vị trí: xã Ia Mơ, tỉnh Gia Lai.
- Loại rừng: Rừng tự nhiên.
- Quy hoạch lâm nghiệp: 2,56 ha thuộc quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (quy hoạch rừng sản xuất); 0,60 ha nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

(Có Biểu thống kê diện tích kèm theo)

- Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ kèm theo, gồm:

+ Đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Tờ trình số 72/TTr-BQL ngày 23/01/2026 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7.

+ Bản sao Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền: Nghị quyết số 475/NQ-HĐND ngày 01/3/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng dự án Hệ thống kênh nhánh công trình thủy lợi Ia Mơr.

+ Thông báo hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Văn bản số 168/QBVPTR-KHKT ngày 31/10/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Dự án Hệ thống kênh nhánh công trình thủy lợi Ia Mơr.

+ Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng theo quy định.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7 thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (tăng/giảm); tham mưu UBND tỉnh giải quyết các nội dung liên quan đến đất đai để thực hiện Dự án theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Ia Mơ, Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Ia Meur, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và MT (để báo cáo);
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ và PTR tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- PVPNN;
- Lưu: VT, N1, N5.

[Signature]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Mah Tiệp

BIỂU THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

Stt	Xã	Theo Nghị quyết 475/NQ-HĐND ngày 01/03/2025 của HĐND tỉnh					Quyết định chuyển MĐSDR			Quy hoạch lâm nghiệp theo Quyết định số 895/QĐ- TTg ngày 24/8/2024	Loại rừng
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Chủ quản lý	Diện tích (ha)	Lô mới	Hiện trạng thực tế	Diện tích (ha)		
1	Ia Mor	991	3	68A	BQL RPH Ia Meur	0,07	68A	RLP	0,07	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
2		1006	6	8B	UBND Xã Ia Mor	0,12	-	RLK		Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
3		1006	6	18A		0,17	18b	RLK	0,15	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
4		1010	1	7		0,01	7	RLG	0,01	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
5		1010	1	14		0,04	14	RLK	0,04	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
6		1010	1	21C		0,91	21A	RLN	0,53	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
7		1010	1	10A		0,23	10a	RLK	0,13	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
8		1010	1	10B		0,06	10b	RLK	0,06	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
9		1010	1	16B		0,52	16c	RLK	0,52	Ngoài quy hoạch	Rừng tự nhiên
10		1010	1	18A		0,78	18a	RLK	0,69	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
11		1010	1	18B		0,13	18c	RLN	0,12	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
12		1010	2	2A		0,23	2B	RLN	0,19	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
13		1010	2	3		0,04	3	RLK	0,02	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
14		1010	2	16		0,23	16a	RLN	0,11	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
14		1010	2	16			16b	RLK	0,09	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
15		1010	2	5B		0,08	5b	RLP	0,08	Ngoài quy hoạch	Rừng tự nhiên
16		1011	6	28		0,13	-	DTK		Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
17		1011	6	44C		0,08	-	DTK		Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
18		1011	8	2B		0,03	2b	RLK	0,03	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
19		1011	8	63B		0,10	63b	RLK	0,08	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên

20		1011	9	35B		0,10	35g	RLK	0,07	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
21		1011	9	35E		0,10	35h	RLK	0,04	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
22		1011	9	35G		0,39	35J	RLK	0,03	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
23		1011	10	12C		0,02	12D	RLN	0,02	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
24		1006	6	8A			8A	RLK	0,05	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
25		1006	6	19			19	RLN	0,03	Rừng sản xuất	Rừng tự nhiên
Tổng cộng						4,57			3,16		